

Số: /QĐ- UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 14: Mua vật tư y tế
tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2023 - 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về
quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-
CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc
tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về
đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính về Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy
trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ
trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị -
xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội -
nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung
một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y
tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung
cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;*

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 4094/TTr-BVĐKT ngày 14/11/2023 và Tờ trình số 4306/TTr-BVĐKT ngày 28/11/2023; đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định số 5721/BC-SYT ngày 06/12/2023 về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 14: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2023 - 2024, kèm theo các hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 14: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2023 - 2024, gồm những nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 14: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2023 - 2024.
2. Giá gói thầu: 72.567.797.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy hai tỷ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm chín bảy nghìn đồng*). Theo từng phần, chi tiết tại phụ lục kèm theo.
3. Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh;

Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V_XNVH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đ. Thanh Tùng', written in a cursive style.

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	1	23BV-G14-1	Bông ép sọ não 4cm x 5cm	Gạc không dệt hút nước và có độ thấm hút rất cao. Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính	Cái	1.475	9.000	13.275.000
2	2	23BV-G14-2	Bông gạc băng mắt 5cm x 7cm	Bông hút nước 100% cotton và gạc không dệt hút nước. Màu trắng. Kích thước: 5cm x 7cm. Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa, 2 lớp gạc không dệt hút nước.	Cái	819	5.000	4.095.000
3	3	23BV-G14-3	Gạc dẫn lưu 1.5cm x 100cm x 4 lớp	Nguyên liệu: gạc không dệt hút nước và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; Tốc độ hút nước < 5s; Không có tinh bột và Dextrin	Miếng	1.440	2.000	2.880.000
4	4	23BV-G14-4	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép	Miếng	8.726	54.000	471.204.000
5	5	23SYT-G14-K5	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml	Bơm tiêm dung tích 1ml. Bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Gắn kim tối thiểu các cỡ từ 27G đến 30G.	Cái	605	30.000	18.150.000
6	6	23BV-G14-6	Kim chọc tủy xương	Cỡ kim: 16G Kim dùng 1 lần, chiều dài kim 4,3 cm, điều chỉnh được từ 23 - 60 mm Có nút xoay điều chỉnh độ sâu, có thang vạch trên thân kim Đầu kim cannula được mài sắc kiểu 3 cạnh Đầu nối Luer chuẩn kết nối với xylanh	Cái	192.000	300	57.600.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
7	7	23BV-G14-7	Kim chọc dò gây tê tùy sống các cỡ	Kim vát 3 mặt sắc bén. chất liệu thép không gỉ. Chuôi kim trong suốt phản quang có nhiều rãnh. Có cánh. Các cỡ: tối thiểu từ 18G đến 27G	Cái	17.829	9.000	160.461.000
8	8	23SYT-G14-K14	Kim chạy thận nhân tạo	Thành kim làm bằng thép không gỉ. Chiều dài kim: 2,54cm, chiều dài dây dẫn: ≥ 300 mm, đường kính 16G, có mắt, có kẹp, có cánh. Kim được phủ silicon Dây gắn với kim làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride.	Cái	6.950	30.000	208.500.000
9	9	23BV-G14-8	Kim sinh thiết tủy xương	Cỡ kim: 8G. Chiều dài kim: 10 cm, kích thước nòng kim 4.0 mm. Đầu kim được thiết kế kiểu Trocar và kim dạng ống (cannula) mài sắc kiểu 5 cạnh Kim thông dạng trụ	Chiếc	300.000	90	27.000.000
10	10	23BV-G14-9	Dây nối truyền dịch truyền cản quang 75cm	Dây nối truyền thuốc cản quang, dài 75cm	Chiếc	13.200	9.000	118.800.000
11	11	23BV-G14-10	Găng tay không bột	Găng tay không có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên trơn hoặc có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp, độ cong phù hợp, độ đàn hồi tốt	Đôi	1.469	18.000	26.442.000
12	12	23BV-G14-11	Ống silicone nuôi ăn đường mũi - dạ dày có phễu và nắp (Đầu TIP đóng)	Ống thông làm bằng silicone 100%, tuổi thọ cao, ít bám bẩn. Tránh được việc gấp ống khi đưa ống nuôi ăn vào bên trong cơ thể. Có 2 dạng đầu tip: Đầu tip phản quang, thiết kế hình nón, dạng đầu tip đóng; Đầu tip phản quang, dạng đầu tip mở. Dây nuôi ăn có đường phản quang; Có các kích cỡ tối thiểu từ 8Fr đến 20Fr. Tiết diện bên trong ống nuôi ăn qua mũi lớn: tối thiểu từ 2.0mm đến 4.1mm Chiều dài có kích thước tối thiểu từ 950 mm đến 1250 mm. Có nắp đậy khi không bơm thức ăn	Cái	180.000	100	18.000.000
13	13	23BV-G14-12	Ống nuôi ăn qua mũi	Ống thông làm bằng silicone 100%. Tránh được việc gấp ống khi đưa ống nuôi ăn vào bên trong cơ thể.	Ống	169.000	100	16.900.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				Đầu tip phân quang màu xanh, thiết kế hình nón dễ dàng đưa vào cơ thể. Cuối ống được đúc bằng các mắt đối nhau (≥ 3 mắt) giúp thoát nước và rửa vết thương hiệu quả giảm thiểu tắc nghẽn ống. Kích cỡ: tối thiểu từ 8Fr đến 18Fr. Chiều dài: tối thiểu từ 70cm đến 120cm- Có sợi cản quang dọc theo ống. Có nắp đậy (chất liệu 100% silicon) dùng đậy lại khi không bơm thức ăn.				
14	14	23BV-G14-13	Ống thông silicone nuôi ăn đường mũi - Hồng tràng, có quai kéo cho kẹp nội soi	Ống thông nuôi ăn hồng tràng làm bằng silicone 100%. Có các lỗ giải áp dạ dày. Ống có 2 kênh: 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh giải áp. Đầu tip đóng, trên đầu có có phản quang, có quai kéo dùng cho kẹp nội soi. Kích cỡ 16Fr, đường kính trong: 5,3mm	Cái	2.200.000	50	110.000.000
15	15	23BV-G14-14	Ống nuôi ăn truyền qua thành bụng	Ống thông làm bằng silicone 100%, có bóng cố định ở đầu cuối dung tích 10ml. Có dầu bôi trơn để dễ dàng đưa ống thông vào dạ dày Ống có kích cỡ: tối thiểu từ 12 Fr đến 24Fr Ống có 2 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng giúp cho việc cố định bên trong dạ dày. Có miếng chặn để cố định ống thông, có chức năng khoá khi không bơm thức ăn Đánh dấu chiều sâu từ sau bóng hơi 2-10 cm	Ống	1.900.000	20	38.000.000
16	16	23BV-G14-15	Ống nuôi ăn truyền qua thành bụng	Ống thông làm bằng silicone 100%, dây trong suốt, dài 255mm, Đánh dấu chiều sâu ống 2 đến 10cm. Có sợi cản quang. Có miếng đệm bên ngoài ngăn cản sự di chuyển của ống. Ống có kích cỡ: tối thiểu từ 12 Fr đến 28Fr bóng 5-20ml. Ống có 3 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều	Ống	1.400.000	20	28.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				đề bơm nước vào bóng giúp cho việc cố định bên trong dạ dày; 01 kênh để thoát khí trong dạ dày Không chứa Latex/DEHP.				
17	17	23BV-G14-16	Túi Camera	Nguyên liệu: được làm từ ống nylon. Có dây buộc 2 ly; túi nylon 9cm x 14cm.	Cái	6.100	6.000	36.600.000
18	18	23BV-G14-17	Túi tiệt trùng dạng cuộn dẹt kích thước 200mm*200m	3 đường hàn nhiệt, Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film. Lớp giấy 70 gsm, có độ bền cơ học cao đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng Màng film 2 lớp: PET và CPP dày 52 mm- Kích thước: 200mm*200m	Cuộn	672.000	90	60.480.000
19	19	23BV-G14-18	Túi tiệt trùng dạng cuộn dẹt kích thước 300mm*200m	3 đường hàn nhiệt Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Lớp giấy 70 gsm, có độ bền cơ học cao đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng Màng film 2 lớp: PET và CPP dày 52 mm Kích thước: 300mm*200m	Cuộn	996.000	90	89.640.000
20	20	23BV-G14-19	Lọ nhựa đựng mẫu PS tiệt trùng 50ml	Lọ nhựa PS trong suốt, dung tích 50ml, nắp nhựa màu đỏ, có nhãn	Lọ	2.300	4.500	10.350.000
21	21	23BV-G14-20	Ống nghiệm lấy máu Lithium Heparin	Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước tối thiểu từ 12mm đến 13mm x 75mm. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ₊ , K ₊ , Cl ₊ ...trừ Li ₊), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Nắp đậy ống nghiệm: nắp cao su Ống nghiệm được đóng trên đế mous cao hoặc đế mous thấp.	Ống	1.260	320.000	403.200.000
22	22	23BV-G14-21	Ống đựng máu EDTA K3, 6ml	Cấu tạo bằng nhựa PET, nắp an toàn, kích cỡ 13 x 100mm, thành phần 2.0mg/ml EDTA K3 phun sương bám vào thành trong ống, có vạch định sẵn 6ml	Cái	1.950	45.000	87.750.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
23	23	23BV-G14-22	Ống nghiệm lấy máu chân không EDTA (K3)	Ống nghiệm nhựa PET. Kích thước tối thiểu từ 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu từ 0,2ml đến 10ml. Sử dụng để tách huyết tương làm xét nghiệm huyết học. Thành phần gồm Ethylenediaminetetra acid tripotassium. Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa bọc cao su.	Ống	1.380	200.000	276.000.000
24	24	23BV-G14-23	Ống nghiệm nhựa PP phi 16mm x 10cm có nút	Ống nghiệm: Nhựa polypropylene (PP) Ống có dạng hình trụ đáy tròn, có đóng nút, trên ống không có nhãn. Kích thước ống: Dài 10cm, đường kính 16mm, thể tích sử dụng tối đa 10ml	Cái	1.165	90.000	104.850.000
25	25	23BV-G14-24	Túi đựng máu	Cấu hình bộ túi: 01 kim cỡ 16G. 01 túi đựng bằng nhựa PVC-DEHP, dung tích 300ml, chứa 35ml CPD. 01 túi đựng bằng nhựa PVC-DEHP, dung tích 300ml, chứa 55ml SAG-M. 01 túi chứa bằng nhựa PVC-DEHP, dung tích 300ml. 01 dây lấy máu toàn phần, chiều dài 1160 ± 100 mm. 01 dây nối với túi máu toàn phần, chiều dài 195 ± 20 mm. 01 dây nối với túi hồng cầu, chiều dài 440 ± 30 mm. 01 dây nối C1 với túi trắng, chiều dài 440 ± 30 mm. Có bộ lấy mẫu chân không đi kèm. Có các kẹp trên dây lấy máu và dây lấy mẫu chân không. Thích hợp với đơn vị hiến 250ml.	Túi	105.000	20.000	2.100.000.000
26	26	23BV-G14-25	Canuyn mở khí quản các số (có bóng)	Bằng nhựa PVC y tế, các số từ số 4 đến 9	Cái	65.520	500	32.760.000
27	27	23BV-G14-26	Ống nội khí quản có bóng các số	Làm từ nhựa PVC không độc hại, không chứa DEHP, trong suốt, mềm và mịn. Có bóng. Bóng khối lượng lớn cung cấp khoá thành khí quản tích cực. Được thiết kế để sử dụng trong quá trình thông khí ngắn hạn và dài hạn và các thủ tục phẫu thuật thông thường. Kích thước: tối thiểu từ 3.0mm - 10.0mm	Cái	12.800	9.000	115.200.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
28	28	23BV-G14-27	Ống dẫn lưu	Chất liệu PVC y tế. Dẫn lưu ổ bụng, dẫn lưu ngoài. Màu trắng tự nhiên, ống dây mềm dẻo	Cái	9.400	6.300	59.220.000
29	29	23BV-G14-28	Bộ mở thông bàng quang qua da	Bộ mở thông bàng quang qua da bao gồm: troca, kẹp cố định và ống thông. Troca bằng kim loại chẻ đôi. Kẹp cố định bằng nhựa. Ống thông được làm bằng 100% silicone mềm mại cho khả năng tương thích sinh học vượt trội. Trục tròn trơn có thể giảm thiểu chấn thương trong quá trình đưa vào và rút ra. Ống trong suốt dễ dàng kiểm tra bằng mắt và quan sát chất lỏng. Ống thông có các kích thước tối thiểu từ 12Fr đến 14Fr bóng 5-10 cc, độ dài ống tối thiểu từ 420 mm ±10mm	Bộ	1.100.000	20	22.000.000
30	30	23BV-G14-29	Bộ tự thông tiểu	Thông tiểu ngắt quãng silicon cỡ 9Fr đến 15Fr. Đường kính trong 1,5mm đến 2,5mm, đường kính ngoài 3mm đến 5mm. Chiều dài tối thiểu từ 130mm đến 330mm Bộ gồm 3 phần: Vỏ đựng ống làm bằng Silicon; ống thông ngắt quãng làm bằng silicon và bao đựng.	Bộ	900.000	20	18.000.000
31	31	23BV-G14-N2-21	Dây lọc máu Online	Tính năng Online: Không cần dùng nước muối để môi, bolus hay dịch truyền. Dây Safeline có sẵn trong mỗi set. Không chứa DEHP Đo lường chính xác áp lực động mạch thông qua cảm biến áp lực dạng vòm. Bộ phát hiện khí được tích hợp sẵn trên dây. Các thành phần của bộ dây được định hình sẵn để lắp vào máy mà không cần tháo rời Thể tích làm đầy nhỏ, hạn chế máu tiếp xúc với không khí bên ngoài. Thể tích làm đầy: 132mL	Bộ	250.000	200	50.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
32	32	23BV-G14-30	Sâu máy thở	Chất liệu bằng nhựa PVC Dạng lò so, dùng cho máy thở Đường kính đầu nối trên: Đường kính trong 15mm, đường kính ngoài 22mm Đường kính đầu nối dưới 15mm Cổng lấy khí có nắp đậy cố định. Sản phẩm được tiệt trùng.	Cái	20.000	9.000	180.000.000
33	33	23BV-G14-31	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Đầu nút giảm tổn thương mạch máu khi chèn Chất liệu y tế đảm bảo sự an toàn ở mức độ cao nhất Ống thông mềm đi ở nhiệt độ cơ thể Thành phần chắn bức xạ giúp xác định nhanh vị trí ống thông và đặt đầu nút chính xác Có dây dẫn chống xoắn (tùy chọn) Gồm: Ống thông, dây dẫn, nắp tiêm, kim luồn, panh xơ, kẹp, ống tiêm, dao mổ Là loại catheter 3 nòng	Cái	630.000	900	567.000.000
34	34	23BV-G14-32	Bộ catheter chạy thận nhân tạo	Phân đầu mềm; Chất liệu chắn bức xạ, đảm bảo đặt đầu catheter chính xác; Một bộ Catheter gồm có: Kim luồn, nong, ống tiêm, kẹp Catheter, dao...; Kích thước: 12F tối thiểu từ 16cm đến 20cm (các dạng cong, thẳng)	Bộ	356.000	1.000	356.000.000
35	35	23BV-G14-33	Catheter đường hầm dùng trong lọc máu	Catheter đường hầm dùng trong lọc máu, hai nòng, chất liệu Polyurethane, thiết kế đầu tip dạng xoắn ốc. Kích cỡ catheter 14.5Fr. Introducer: 15Fr. Chiều dài từ đầu tip đến đầu gần 20-47cm. Chiều dài từ đầu tip đến cuff 15-42cm, có van khóa khí tự động và catheter được tích hợp sẵn dây dẫn 0.038". Thông nòng 10-12 Fr. Kim dẫn đường 18G. Tốc độ dòng chảy đến 500ml/phút. Độ gập góc £7%, bề mặt trơn nhẵn. Có 3 đến 4 Lỗ bên trên thân Catheter	Cái	5.400.000	100	540.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
36	36	23BV-G14-34	Ống thông chụp động mạch vành trái, phải	Lưới thép không gỉ bên đôi chống xoắn Các cỡ: tối thiểu từ 4F đến 6F. Chiều dài tối thiểu từ 100cm đến 110cm Đầu cong tiêu chuẩn tối thiểu các dạng: trái, phải, xoắn, đốt sống.	Cái	450.000	500	225.000.000
37	37	23BV-G14-35	Ống thông chụp động mạch vành 2 bên	Lưới thép không gỉ bên đôi; chống xoắn Các cỡ: tối thiểu từ 4F đến 6F; Chiều dài tối thiểu từ 100cm đến 110cm. Đầu cong tiêu chuẩn tối thiểu các dạng: 2 bên, xoắn, đốt sống.	Cái	450.000	800	360.000.000
38	38	23BV-G14-N1-27	Catheter chụp động mạch vành cả hai bên chống xoắn	Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bên kép, đoạn đầu xa không bên, tiếp theo là đoạn được bên dày và bên thưa hơn ở đoạn gần. Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) hặc tương đương Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa). Tương thích guidewire 0.038" Đường kính 4Fr đến 5Fr (lòng rộng 1.05mm đến 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm, có tối thiểu 2 kích thước.	Cái	658.000	500	329.000.000
39	39	23BV-G14-39	Ống thông tiêu 2 nhánh	100% silicone cấp y tế cho khả năng tương thích sinh học vượt trội.- Ống silicon cấp y tế trong suốt cho phép kiểm tra trực quan dễ dàng và quan sát chất lỏng. Bao gồm một ống thông Spigot được đóng gói và khử trùng riêng lẻ. Kích thước tối thiểu từ 6fr đến 26fr bóng 1-30ml dài tối thiểu từ 250mm đến 400mm Ống có thể lưu lại tối thiểu 29 ngày trong cơ thể	Ống	125.790	500	62.895.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
40	40	23BV-G14-36	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	Đường kính khoảng: 0.014" đến 0.035". Chiều dài khoảng: 90cm đến 150cm. Lớp phủ ái nước giúp tăng độ trơn láng. Đầu xa phủ hydrophilic, thân catheter và hub trong suốt. Đầu tip thon dần. Catheter có đủ loại tương thích với dây dẫn: 0,014" đến 0.035". Chiều dài tối thiểu từ 65 đến 150 cm	Cái	3.290.000	5	16.450.000
41	41	23BV-G14-37	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch	Vật liệu thép không gỉ phủ lớp ái nước. Vùng linh hoạt 4cm. Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn 0.088". Chiều dài tối thiểu từ 80cm; 90cm. Đường kính ngoài 8F/8F.	Cái	8.400.000	100	840.000.000
42	42	23BV-G14-38	Vi ống thông (micro-catheter) các loại, các cỡ	Thiết kế trục mới từ các sợi bện. Đường kính ngoài thân xa: 2.1 F - 2.6 F Đường kính ngoài phần thân gần: 2.8 F - 2.9 F Chiều dài khả dụng: tối thiểu từ 135 đến 150 cm	Cái	15.500.000	5	77.500.000
43	43	23BV-G14-N4-43	Micro Catheter siêu nhỏ dạng xoắn đặc biệt dùng cho tổn thương tắc mãn tính	Cấu trúc dạng bện Chiều dài: 135 cm đến 150cm, có tối thiểu 2 cỡ chiều dài. Đường kính ngoài đầu tip 0.42 mm, đường kính trong: 0.38 mm. Đường kính ngoài phần thân xa: 2.6 Fr. Đường kính ngoài phần thân gần: 2.8Fr	Cái	11.000.000	5	55.000.000
44	44	23BV-G14-40	Chỉ điện cực tim số 3/0	Chỉ điện cực tim số 3/0, chất liệu thép không gỉ bện, được phủ lớp cách điện PTFE poly hoặc FEP poly, sợi dài 60cm. Gồm 2 kim (1 kim thẳng SC-6 dài 88mm đầu kim có khắc bẻ và 1 kim tròn đầu nhọn CV-23, cong 1/2 vòng tròn, dài 17mm), kim phủ silicon	Sợi	300.000	100	30.000.000
45	45	23BV-G14-41	Chỉ tiêu tự nhiên 3/0	Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liên kim số 3/0. chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, dài 75cm, kim tròn vòng kim 24mm. giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ± 5 ngày.	Sợi	29.900	1.600	47.840.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
46	46	23BV-G14-42	Chỉ tơ phẫu thuật	Chất liệu sợi tơ tằm	Sợi	80.000	900	72.000.000
47	47	23BV-G14-43	Chỉ không tiêu tổng hợp số 2/0	Chỉ không tiêu tổng hợp 2/0 dài 75cm, 3/8 kim tam giác 24mm; 3/8 kim tam giác 26mm. Chất liệu Nylon	Sợi	15.600	6.500	101.400.000
48	48	23BV-G14-44	Chỉ không tiêu tổng hợp số 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp 3/0. Chất liệu Nylon. kim tam giác 20 mm. dài 75cm, 3/8 kim tam giác	Sợi	15.600	9.000	140.400.000
49	49	23BV-G14-45	Chỉ tiêu tự nhiên số 1, không kim	Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liên kim 1/0, chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, chiều dài của chỉ 75cm, kim tròn 1/2. Kim dài 26mm giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ± 2 ngày.	Tép	29.900	250	7.475.000
50	50	23BV-G14-46	Lưỡi dao mổ	Lưỡi dao mổ tiết trùng các số. Chất liệu Carbon, các cỡ khác nhau số 10, 11, 15, 20, 21, lắp được vào tất cả cán giao mổ kim loại, nhựa...Sử dụng một lần.	Cái	1.150	14.000	16.100.000
51	51	23BV-G14-47	Dao phẫu thuật mắt trong mổ phaco	Dao mổ chính tạo đường rạch giác mạc trong mổ phaco, đường kính: 2.2mm, 2.8mm. Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, vát chéo lên	Cái	115.000	450	51.750.000
52	52	23BV-G14-N1-83	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Mô tả: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, 4 còng. Kích cỡ: Optic 6mm, tổng chiều dài $10.75\text{mm} \pm 0,75\text{mm}$. Chất liệu: Copolymer Thiết kế một mảnh dạng hình đĩa với 4 haptic cặp đôi tạo thành 4 điểm tựa. Lọc tia UV. Góc còng 5 độ Optic dạng phi cầu hai mặt, loại bỏ quang sai. Hàng số A:118.6 cho dãy độ từ 0D đến +40D và A:119.9 cho dãy độ từ -3D đến -1D Độ sâu tiền phòng: 5.32 cho dãy độ từ 0D đến +40D và độ sâu tiền phòng: 6.08 cho dãy độ từ -3D đến -1D. Chỉ số SA: -0,14 μm Chỉ số khúc xạ: 1.46 ở 35 độ C. Chỉ số Abbe: 46.94 Dải công suất từ -3D đến +40D; từ -3D đến +10D:	Cái	3.000.000	100	300.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				tăng dần tối thiểu 1D, từ +10D đến +30D tăng dần tối thiểu 0.5D, từ +30D đến +40D tăng dần tối thiểu 1D. Kèm cartridge và dụng cụ đặt thủy tinh thể sử dụng một lần qua vết mổ $\leq 2.2\text{mm}$				
53	53	23SYT-G14-G45	Thủy tinh thể nhân tạo	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, mềm, một mảnh, 2 càng chữ C. Góc càng: 10° Đường kính quang học trong khoảng: 6,00 mm ($\pm 5\%$) Đường kính tổng thể trong khoảng: 13,00 mm ($\pm 5\%$) Thiết kế: Một mảnh Thiết kế quang học: Đơn tiêu, hình cầu. Vật liệu: Hydrophilic Dải công suất: Từ +10.0D đến +30.0D (mức tăng tối thiểu 0.5D) Hãng số A (SRK-T): 118,0/118,5 Độ sâu tiền phòng (ACD): 4,96 mm/5,25 mm Chỉ số khúc xạ trong khoảng: 1,4 - 1,5	Cái	1.986.000	80	158.880.000
54	54	23BV-G14-48	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng (1 bộ gồm 01 Ổ cối + 02 Vít ổ cối + 01 Lót ổ cối + 01 Chỏm khớp + 01 Chuôi khớp)	Ổ cối: Chất liệu hợp kim Titanium, được phủ toàn bộ bởi lớp hợp chất Supravit hoặc tương đương dày khoảng $200\mu\text{m}$. Ổ cối chuyển động được trong khoảng 25 – $50\mu\text{m}$. Có các nút để chặn các lỗ vít không sử dụng. Có khóa an toàn cố định lớp lót ổ cối. Đường kính ngoài tối thiểu từ 44 - 64mm, bước tăng $\leq 2\text{mm}$. Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim Titanium, vít xương xốp. Đường kính vít khoảng 6.5mm, chiều dài vít tối thiểu từ 12 - 70mm, gồm tối thiểu 13 cỡ. Lót ổ cối: Chất liệu XL-UHMWPE hoặc tương đương. Đường kính trong 28mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 44 - 64mm; đường kính trong 32mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 48-64mm; đường kính trong 36mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 52-64mm. Bao gồm tối thiểu các loại: tiêu chuẩn, góc 10 độ và góc 20 độ.	Bộ	53.295.000	20	1.065.900.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>Chôm khớp: Chất liệu BIOLOX Delta Ceramic hoặc tương đương, cổ côn 12/14, đường kính ngoài gồm tối thiểu các cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, phủ toàn bộ bởi lớp hợp chất Supravit® Zoned hoặc tương đương dày trong khoảng từ 175 đến 200µm. Góc cổ-thân trong khoảng từ 126° đến 140° (gồm tối thiểu các loại cổ ngắn, cổ dài, +4, +8).</p> <p>Chuôi ngắn: chiều dài khoảng 100mm, chiều rộng tối thiểu từ 6 - 17mm bước tăng ≤ 1mm. Chuôi dài chiều dài tối thiểu từ 100 đến 165mm, chiều rộng thân chuôi từ 8 - 16mm bước tăng ≤ 1mm.</p>				
55	55	23BV-G14-49	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic	<p>Ổ cối: Được phủ toàn bộ bởi lớp hợp chất Supravit hoặc tương đương dày khoảng 200µm. Ổ cối chuyển động được trong khoảng 25 – 50µm. Có các nút để chặn các lỗ vít không sử dụng. Có khóa an toàn cố định lớp lót ổ cối. Đường kính ngoài tối thiểu từ 44 - 64mm, bước tăng ≤ 2mm.</p> <p>Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, vít xương xóp. Đường kính vít 6.5mm, chiều dài vít tối thiểu từ 12 - 70mm, gồm tối thiểu 13 cỡ.</p> <p>Lót ổ cối: Chất liệu BIOLOX Delta Ceramic hoặc tương đương. Đường kính trong 28mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 44 - 46mm, 48 - 50mm; đường kính trong 32mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 48 - 50mm, 52 - 54mm, 56 - 58mm, 60 - 64mm; đường kính trong 36mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 52 - 54mm, 56 - 58mm, 60-64mm; đường kính trong 40mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 56 - 58mm, 60 - 64mm.</p>	Bộ	72.295.000	5	361.475.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>Chôm khớp: Chất liệu BIOLOX Delta Ceramic hoặc tương đương, cổ côn 12/14, đường kính ngoài gồm tối thiểu các cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, phủ toàn bộ bởi lớp hợp chất Supravit Zoned hoặc tương đương dày trong khoảng từ 175 đến 200µm. Góc cổ-thân trong khoảng từ 126° đến 140° (gồm tối thiểu các loại cổ ngắn, cổ dài, +4, +8).</p> <p>Chuôi ngắn: chiều dài khoảng 100mm, chiều rộng từ 6 - 17mm bước tăng ≤ 1mm. Chuôi dài chiều dài tối thiểu từ 100 đến 165mm, chiều rộng thân chuôi từ 8 - 16mm bước tăng ≤ 1mm.</p>				
56	56	23BV-G14-50	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối	<p>Cuồng khớp: Vật liệu Titanium alloy Plasma Spray.- Kích cỡ chuôi: 1 đến 10- Chiều dài chuôi: 130 đến 190mm.</p> <p>Ổ cối: Vật liệu: Titanium alloy Plasma Spray. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic. Có khóa lớp đệm tại đáy ổ cối. Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối. Kích cỡ: tối thiểu từ 40 – 74 mm với mỗi bước tăng tối đa 2mm.</p> <p>Lớp đệm: Vật liệu: Polyetylene cao phân tử. Đường kính trong: tối thiểu từ 22 đến 32 mm.</p> <p>Chôm khớp: Vật liệu REX Steel.</p> <p>Vít ổ cối: Vật liệu Titanium ĐK 6.5mm, dài tối thiểu từ 15 - 60mm.</p>	Bộ	52.500.000	20	1.050.000.000
57	57	23BV-G14-51	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối, Ceramic/PE	<p>Cuồng khớp: Vật liệu Titanium alloy Plasma Pray Kích cỡ chuôi: 1 đến 10. Chiều dài chuôi: 130 đến 190mm.</p> <p>Ổ cối: Titanium alloy Plasma Spray. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic. Có khóa lớp</p>	Bộ	63.960.000	10	639.600.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>đệm tại đáy ổ cối. Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối. Kích cỡ : 46 – 74 mm với mỗi bước tăng tối đa 2mm.</p> <p>Lớp đệm: Vật liệu: Polyetylene cao phân tử. Đường kính trong: 28 đến 32 mm.</p> <p>Chỏm Ceramic</p> <p>Vít ổ cối: Vật liệu Titanium ĐK 6.5mm, dài tối thiểu 15 - 60mm.</p>				
58	58	23BV-G14-52	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on PE có vitamin E	<p>Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Có 12 chốt khóa chống xoay trở lên. Có các cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển tối đa 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng.</p> <p>Vít ổ cối: bằng Titanium dài từ 15 đến 50mm.</p> <p>Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink có bổ sung vitamin E. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>Chỏm xương đùi: Vật liệu bằng Ceramic BioloX Delta: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ tối thiểu từ: 28mm đến 36mm.</p> <p>Chuôi xương đùi UTF-reduced: loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám.</p> <p>Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có cỡ dài tối thiểu từ 114mm -161mm.</p>	Bộ	63.800.000	30	1.914.000.000
59	59	23BV-G14-53	Khớp háng toàn phần không xi măng, Polyethylene on PE có vitamin E	<p>Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển tối đa 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng.</p>	Bộ	55.000.000	30	1.650.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				Vít ổ cối: bằng Titanium dài 15-50mm. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink có vitamin E. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm Chỏm xương đùi: bằng Cobalt Chrome; kích thước: tối thiểu từ 28mm đến 36mm với taper 12/14. Chuôi xương đùi: loại cố định đầu gân, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 dài tối thiểu từ 114 đến 161.				
60	60	23BV-G14-54	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, Metal on PE	Cuống xương đùi hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp calcium phosphate phủ ngoài dày khoảng 15µm. Rãnh chống lún, xoay.Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có kích cỡ tối thiểu từ 115-190mm. Góc cổ thân chuôi 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. Offset từ 38-45mm Đầu xương đùi CoCrMo: Kích cỡ: tối thiểu từ 24 đến 36mm. Lớp đệm nhựa UHMWPE: Có bờ chống trật, chốt định tâm. Có vòng khóa bằng hợp kim titanium Ti6Al4V tăng khả năng cố định. Đường kính trong tối thiểu từ 28mm-36mm. Ổ cối hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày khoảng 170µmPhủ ngoài lớp HA dày 60µm, hỗ trợ 3 lỗ bắt vít Vít ổ cối: Chất liệu Ti6Al4V, đường kính 6.5mm, có độ dài tối thiểu từ 20-60mm	Bộ	57.000.000	20	1.140.000.000
61	61	23BV-G14-55	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, Ceramic on PE	Cuống xương đùi (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp calcium phosphate phủ ngoài dày khoảng 15µm	Bộ	65.000.000	20	1.300.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>Rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có kích cỡ tối thiểu từ 115-190mm Góc cổ thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. Offset từ 38-45mm Đầu xương đùi gồm (ceramic): Kích cỡ: tối thiểu từ 28 đến 40mm. Lớp đệm nhựa UHMWPE: Có bờ chống trật, chốt định tâm. Có vòng khóa bằng hợp kim titanium Ti6Al4V tăng khả năng cố định. Đường kính trong tối thiểu từ 28mm-36mm. Ổ cối hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Loại kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày khoảng 170µm Phủ ngoài lớp HA dày 60µm, hỗ trợ 3 lỗ bắt vít Vít ổ cối: Chất liệu Titanium, đường kính 6.5mm, có độ dài tối thiểu từ 20-60mm</p>				
62	62	23BV-G14-56	Khớp háng toàn phần không xi măng	<p>Chuôi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gần. Kích cỡ chuôi: có các cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2,5mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm. Chòm xương đùi vật liệu CrCo các đường kính khác nhau, tối thiểu ø28 mm Ổ cối: vật liệu Titanium với kết cấu lớp phủ bề mặt chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ : tối thiểu từ 42mm đến 70 mm, bước tăng tối đa 2mm; Lớp đệm: Vật liệu UHMWPE, gờ chống trật 20° Vít ổ cối: vật liệu Titanium dài tối thiểu từ 20mm đến</p>	Bộ	55.500.000	20	1.110.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				60mm				
63	63	23BV-G14-57	Khớp háng toàn phần không xi măng	<p>Chuôi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gân. Kích cỡ chuôi: có các cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2,5mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm;</p> <p>Chòm xương đùi vật liệu CrCo đường kính đầu tối thiểu ø28 mm;</p> <p>Ổ cối: vật liệu Titanium với kết cấu lớp phủ bề mặt chạy dọc theo vành ổ cối. lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: tối thiểu từ 42mm đến 70 mm, bước tăng tối đa 2mm;</p> <p>Lớp đệm: Vật liệu Crosslinked PE có kết hợp Vitamin E, gờ chống trật 20°;</p> <p>Vít ổ cối: Titanium dài tối thiểu từ 20mm đến 60mm.</p>	Bộ	62.500.000	20	1.250.000.000
64	64	23BV-G14-58	Khớp háng toàn phần không xi măng	<p>Chuôi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gân. Kích cỡ chuôi: có các cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2,5mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm;</p> <p>Chòm xương đùi vật liệu Biolox Delta Ceramic đường kính đầu tối thiểu ø28 mm;</p> <p>Ổ cối: vật liệu Titanium với kết cấu lớp phủ bề mặt ULTRAFIT chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: tối thiểu từ 42mm đến 70 mm, bước tăng 2mm;</p> <p>Lớp đệm: Vật liệu Crosslinked PE có kết hợp Vitamin E, gờ chống trật 20°;</p> <p>Vít ổ cối: Titanium dài tối thiểu từ 20mm đến 60mm.</p>	Bộ	70.000.000	20	1.400.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
65	65	23BV-G14-59	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, lót Crosslinked, chuỗi phủ HA toàn bộ	<p>Chuôi khớp chất liệu titanium phủ HA. Chiều dài tối thiểu từ 105 - 164mm, kích thước offset từ 37 - 54mm, chiều dài cổ khớp tối thiểu từ 30 - 40mm, đường kính đầu xa đuôi chuỗi tối thiểu từ 4 - 18mm. Góc cổ chuỗi 127 độ.</p> <p>Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium phủ titanium plasma, đường kính ngoài từ 44 - 62mm, bước tăng tối đa 2mm. Đường kính trong từ 38 - 52mm.</p> <p>Chòm khớp chất liệu CoCr, gồm các cỡ đường kính 28mm đến 36mm</p> <p>Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE siêu liên kết, gồm các size 28mm đến 36mm. Góc chống trượt 12 độ.</p> <p>Vít ổ cối chất liệu Ti-6Al-7Nb, đường kính trong 6.3mm, chiều dài tối thiểu từ 25 - 35mm, bước tăng tối đa 5mm.</p>	Bộ	54.650.000	10	546.500.000
66	66	23BV-G14-60	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, lót Crosslinked, chuỗi phủ HA toàn bộ, chòm ceramic	<p>Chuôi khớp chất liệu Titanium phủ HA. Chiều dài tối thiểu từ 105 - 164mm, kích thước offset từ 37 - 54mm, chiều dài cổ khớp tối thiểu từ 30 - 40mm, đường kính đầu xa đuôi chuỗi tối thiểu từ 4 - 18mm. Góc cổ chuỗi khoảng 127 độ.</p> <p>Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium phủ titanium plasma, đường kính ngoài từ 44 - 62mm, bước tăng 2mm. Đường kính trong từ 38 - 52mm.</p> <p>Chòm khớp chất liệu Ceramic các loại đường kính tối thiểu từ 28mm đến 36mm.</p> <p>Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE gồm các size 28mm đến 36mm. Góc chống trượt khoảng 12 độ.</p> <p>Vít ổ cối chất liệu Ti-6Al-7Nb, đường kính trong 6.3mm, chiều dài tối thiểu từ 25 - 35mm, bước tăng tối đa 5mm.</p>	Bộ	60.690.000	10	606.900.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
67	67	23BV-G14-61	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ TPS	<p>Chuôi khớp không xi phủ titanium plasma (TPS) chiều dài từ 105 đến 164mm, kích thước offset cổ khớp các cỡ tối thiểu từ 37 đến 54mm, chiều dài cổ khớp các cỡ tối thiểu từ 30 đến 40mm độ rộng phần đầu xa đuôi chuỗi 4 đến 18mm. Góc cổ chuỗi 127 độ</p> <p>Ổ cối toàn phần phủ titanium plasma (TPS) Vật liệu: Titanium Alloy phủ titanium plasma (Ti-6Al-4V ELI, TPS) có thiết kế rãnh chống trượt, các cỡ tối thiểu từ 44 đến 62mm, đường kính trong 38 đến 52mm, đường kính ngoài 46 đến 64mm</p> <p>Chỏm xương đùi CoCr, gồm các size đường kính 28mm đến 36.</p> <p>Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE, các size 28/38mm đến 36/52mm, góc bờ chống trượt 12 độ.</p> <p>Vít ổ cối Chất liệu Ti-6Al-7Nb, đường kính 6.3mm, chiều dài tối thiểu từ 25 đến 35mm</p>	Bộ	58.890.000	10	588.900.000
68	68	23BV-G14-62	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng (Ceramic on PE có vitamin E)	<p>Chuôi khớp: Chất liệu bằng hợp kim Ti6Al4V. Đầu chuỗi dạng Taper 12/14 có biên độ xoay 135 độ (standard). Đường cắt xương 55 độ. Có cánh mỏng ở mấu chuyên lớn và rãnh chống xoay riêng biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp Titanium Plasmamore rỗng li ti có độ dày khoảng 0.35mm. Kích cỡ chuỗi: Từ 8mm đến 18mm (mỗi size tăng tối đa 1mm). Chiều dài thân chuỗi tối thiểu từ: 112 đến 150mm. Chiều dài chuỗi: tối thiểu từ 145 đến 190mm.</p> <p>Chỏm xương đùi: Chất liệu gốm (BioloX delta Alumina matrix composite ceramic). Đường kính đầu: 28mm. Đường kính đầu tối thiểu từ: 32 đến</p>	Bộ	73.000.000	10	730.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>40mm. Cổ đầu 12/14. Lót ổ cối: Chất liệu bằng polyethylene kết hợp với Vitamin E. Đường kính trong: 28 đến 40mm. Có bờ chống trật phía sau. Lớp lót gắn vào ổ cối bằng cơ chế nén ép cho cả hai, bên trong ổ cối có thiết kế dạng nón và nhám. Ổ cối: Chất liệu Titanium forged alloy Ti6Al4V. Vách mỏng khoảng 0.35 mm với độ xấp 50%, có tối thiểu các size tối thiểu từ 44mm - 70mm, mỗi cỡ tăng tối thiểu 2mm thích hợp cho tất cả các loại ổ cối, có 3 lỗ bắt vít. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium Ti6Al4V đường kính 6.5mm, với chiều dài tối thiểu từ 20mm đến 36mm</p>				
69	69	23BV-G14-63	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng (CoCr on PE có Vitamin E)	<p>Chuôi khớp: Chất liệu bằng hợp kim Ti6Al4V. Đầu chuôi dạng Taper 12/14 có biên độ xoay 135 độ. Đường cắt xương 55 độ. Có cánh mỏng ở mấu chuyên lớn và rãnh chống xoay riêng biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp Titanium Plasmamore rỗng li ti có độ dày khoảng 0.35mm. Kích cỡ chuôi: tối thiểu từ 8mm đến 18mm (mỗi size tăng tối đa 1mm). Chiều dài thân chuôi tối thiểu từ: 112 đến 150mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ: 145 đến 190mm. Chỏm xương đùi: Chất liệu hợp kim Cobalt-ISODUR F chromium forged alloy (CoCrMo). Đường kính đầu: 22mm đến 40mm. Cổ đầu 12/14. Lót ổ cối: Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene kết hợp với Vitamin E. Đường kính trong tối thiểu từ: 28 đến 40mm. Có bờ chống trật</p>	Bộ	63.000.000	10	630.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>phía sau. Lót lót gắn vào ổ cối bằng cơ chế nén ép cho cả hai, bên trong ổ cối có thiết kế dạng nón và nhám.</p> <p>Ổ cối: Chất liệu Titanium forged alloy Ti6Al4V. Vách mỏng khoảng 0.35 mm với độ xấp 50%, có tối thiểu các size từ 44mm - 70mm, mỗi cỡ tăng tối đa 2mm thích hợp cho tất cả các loại ổ cối, có 3 lỗ bắt vít.</p> <p>Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium Ti6Al4V đường kính 6.5mm, có các size với chiều dài tối thiểu từ 20mm đến 36mm</p>				
70	70	23BV-G14-64	Khớp háng toàn phần Ceramic không xi măng phủ TPS (Ceramic on PE)	<p>Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray), Góc cổ thân 135 độ. Đầu chuôi dạng Taper 12/ 14 (5°42'30") Kích cỡ chuôi: từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng tối thiểu 1.25mm). Chiều dài chuôi tối thiểu từ: 135 đến 155 mm.</p> <p>Chòm xương đùi: Chất liệu gốm (Ceramic). Đường kính đầu: 28 đến 36; cổ dài (0, ±3.5, +7, +10.5, +14, +17.5)mm; cổ đầu 12/ 14</p> <p>Ổ cối: Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray). Kích cỡ tối thiểu từ 38mm đến 82mm; mỗi cỡ tăng tối đa 2mm. Trên ổ cối có 5 lỗ để bắt vít ổ cối.</p> <p>Vít ổ cối: chất liệu hợp kim titanium TiAl64V, gắn ổ cối với xương, đường kính 6.5mm; dài tối thiểu từ 25mm đến 50mm; mỗi bước tăng tối đa 5mm</p> <p>Lót ổ cối: Vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen (UHMWPE), có gờ chống trượt 20 độ. Đường kính trong: 22 đến 36 mm; Kích cỡ tối thiểu từ: 20 đến 35</p>	Bộ	69.500.000	20	1.390.000.000
71	71	23BV-	Khớp háng toàn phần không	Cuống chòm xương đùi: Vật liệu: Titanium	Bộ	65.000.000	20	1.300.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
		G14-65	xi măng Ceramic/ PE, chuỗi phủ Hydro Apatide toàn bộ, loại chỏm to	(Ti6Al4V), phủ Hydro Apatide toàn bộ chuỗi bằng cách phun phủ 1 lớp plasma dày khoảng 130 micron. Kích thước tối thiểu từ: số 8 đến 16. Cấu tạo: Góc nghiêng 135 độ, trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt. Cổ côn 12/14mm Chỏm xương đùi: Vật liệu: CERAMIC (sứ). Kích thước: Đường kính tối thiểu từ 28 đến 36mm. Ổ cối: Vật liệu: Titanium alloy Ti6Al4V, phủ HA toàn bộ. Kích thước tối thiểu từ 44mm - 68mm, mỗi nhịp cách nhau tối đa 2mm. Cup từ 44 đến 68 dùng chỏm từ 28 mm đến 40. Lót ổ cối: Vật liệu: XL Cross Linked UHMWPE polyethylene. Cấu tạo: bờ chống chệch 15 độ. Thành lót ổ cối thiết kế xẻ tối thiểu 12 khía hình chữ V, các khía lệch nhau khoảng 30°. Độ dày thành tối thiểu 5mm. Đường kính trong tối thiểu từ 28 đến 36mm. Đường kính ngoài phù hợp với ổ cối Vít ổ cối: Vít bằng titan, đường kính 6.5mm, các cỡ tối thiểu từ 20 đến 45mm				
72	72	23BV-G14-66	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ Hydro Apatide toàn bộ, loại chỏm to	Cuồng chỏm xương đùi: Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ Hydro Apatide toàn bộ chuỗi bằng cách phun phủ 1 lớp plasma dày khoảng 130micron. Kích thước: số 8 đến 16. Cấu tạo: Góc nghiêng 135 độ, trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt. Cổ côn 12/14mm Chỏm xương đùi: Vật liệu: Thép không gỉ. Kích thước: Đk 28 đến 36mm Ổ cối: Vật liệu: Titanium alloy Ti6Al4V, phủ HA toàn bộ. Kích thước từ 44mm-68mm, mỗi nhịp cách nhau tối đa 2mm. Cup từ 44 đến 68 dùng chỏm từ 28	Bộ	55.000.000	20	1.100.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	
				mm đến 36mm. Lót ổ cối: Vật liệu: XL Cross Linked UHMWPE polyethylene. Cấu tạo: bờ chống chệch 15 độ giúp tối đa phạm vi dịch chuyển của khớp. Thành lót ổ cối thiết kế xê tối thiểu 12 khía hình chữ V, các khía lệch nhau khoảng 30° để lắp vừa với ổ cối. Độ dày thành tối thiểu 5mm. Đường kính trong 28 đến 36mm. Đường kính ngoài phù hợp với ổ cối Vít ổ cối: Vít bằng titan, đk 6.5mm, các cỡ từ 20 đến 45mm					
73	73	23BV-G14-67	Khớp háng bán phần chuôi dài không xi măng, góc cổ 130°	Chỏm bán phần: Có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome; lớp lót PE Crosslink có vòng khóa trong. Đường kính ngoài tối thiểu từ 38mm đến 56mm, đường kính trong tối thiểu từ 22mm đến 28mm. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước tối thiểu từ 22.2mm đến 28mm với taper 12/143. Chuôi dài không xi măng: bằng vật liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) dạng hình nêm 3 chiều chống xoay và cổ trơn, phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130°, taper 12/14, Có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài 180mm ± 5mm và dạng cong có chiều dài 230mm ± 5mm tương ứng cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) với mỗi bên trái, phải.	Bộ	58.290.000	10	582.900.000	
74	74	23BV-G14-68	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng chuôi dài	Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray. Kích cỡ chuôi: 3 đến 10. Chiều dài chuôi tối thiểu từ: 190 đến 235mm. Góc cổ chuôi: 135° cổ côn 12/14 mm Chuôi dạng có lớp phủ Titanium alloy Plasma Spray đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều Đầu chỏm Bipolar: Vật liệu: REX Steel/PE. Kích cỡ	Bộ	55.000.000	20	1.100.000.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				tối thiểu từ: 41 – 55 mm với mỗi bước tăng tối đa 1 mm. Đầu chỏm có thiết kế tự định vị tâm xoay Chỏm khớp: Vật liệu REX Steel				
75	75	23BV-G14-69	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng	Cuống khớp: Vật liệu: Titanium alloy Plasme Spray Kích cỡ chuôi: 1 đến 10; Chiều dài chuôi tối thiểu từ: 130 đến 190mm. Đầu chỏm Bipolar: Vật liệu: REX Steel/PE. Kích cỡ tối thiểu từ: 41 – 55 mm với mỗi bước tăng tối đa 1 mm. Đầu chỏm có thiết kế tự định vị tâm xoay Chỏm khớp: Vật liệu REX Steel	Bộ	42.500.000	20	850.000.000
76	76	23BV-G14-70	Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate	Đầu: Bên trong là Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), Vòng khóa an toàn bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), các size tối thiểu từ 39 - 65mm ² . Đầu xương đùi: Kích cỡ: 22mm đến 32mm.3. Cuống xương đùi: Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp calcium phosphate phủ ngoài dày khoảng 15µm. Có rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có kích cỡ tối thiểu từ 115-190mm. Góc cổ thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. Offset từ 38-45mm	Bộ	47.000.000	20	940.000.000
77	77	23BV-G14-71	Khớp háng bán phần không xi măng	Chuôi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gần. Kích cỡ chuôi: có tối thiểu 10 cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2,5mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm; Chỏm xương đùi vật liệu CrCo đường kính đầu có tối thiểu ø28 mm;	Bộ	43.500.000	10	435.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				Đầu chỏm bán phần: vật liệu kim loại kích cỡ tối thiểu từ 39mm đến 60 mm, bước tăng tối đa 1mm; Lót đầu chỏm PE vật liệu UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có tối thiểu 4 cỡ tương ứng.				
78	78	23BV-G14-72	Khớp háng bán phần chuôi dài, cổ rời, cong ở đầu xa	Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Ti6Al7Nb, thiết kế chuôi có những rãnh dọc với cấu trúc bề mặt phun dạng cát. Phần cổ rời quay được 360°, dài tối thiểu từ 50mm đến 70 mm. Kích cỡ chuôi: $\varnothing 13$ đến $\varnothing 22$ mm, có tối thiểu 10 cỡ. Chiều dài chuôi: ≤ 200 mm và cong ở đầu xa. Góc cổ chuôi: 127° đến 130°; Đầu Chỏm xương đùi: vật liệu CrCo, với đường kính $\varnothing 28$ mm. Đầu chỏm bán phần: vật liệu kim loại kích cỡ tối thiểu từ 39mm đến 60 mm, bước tăng tối đa 1mm; Lót đầu chỏm PE vật liệu UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có tối thiểu 4 cỡ tương ứng.	Bộ	64.500.000	30	1.935.000.000
79	79	23BV-G14-73	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi phủ titanium plasma (TPS)	Chuôi khớp không xi phủ titanium plasma (TPS) chiều dài tối thiểu từ 105 đến 164mm, kích thước offset cổ khớp các cỡ tối thiểu từ 37 đến 54mm, chiều dài cổ khớp các cỡ tối thiểu từ 30 đến 40mm, độ rộng phần đầu xa đuôi chuôi 4 đến 18mm. Góc cổ chuôi 127 độ 2. Chỏm xương đùi CoCr gồm các size đường kính tối thiểu từ 22mm đến 28mm với chiều dài Offset 0/+3.5mm, -3.5mm/0/+3.5mm ³ . Đầu chỏm lắp sẵn khóa gồm có đầu chỏm titanium và lót chất liệu PE, gồm các size 38/22 đến 58/28mm	Bộ	41.550.000	10	415.500.000
80		23BV-G14-74	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo		Bộ			
	80	23BV-G14-74.1	Lưỡi cắt đốt cao tần	Cung cấp tốc độ cắt lớn nhất với lượng mô lớn trong nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ, có nhiều lỗ hút nước	Cái	6.500.000	50	325.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				ra giúp trường quan sát tốt Bề mặt điện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp. Độ gập góc 30 đến 90				
	81	23BV-G14-74.2	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mổ nội soi khớp. Vật liệu: nhựa có bộ chip điều khiển được dòng nước: tốc độ và áp lực dòng chảy. Sử dụng với máy bơm nước có áp lực đến 200 mmHg, lưu lượng bơm đến 2 L/phút	Cái	1.500.000	50	75.000.000
	82	23BV-G14-74.3	Lưỡi bào khớp các loại, các cỡ	Cửa sổ bào rộng cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính: 3.5 đến 5.5 mm. Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước giúp dễ thao tác trong quá trình phẫu thuật.	Cái	6.000.000	50	300.000.000
	83	23BV-G14-74.4	Vít treo gân có thể tự điều chỉnh độ dài.	Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside Nẹp bằng titanium, 4 lỗ có vòng treo điều chỉnh được chất liệu UHMWPE UPS 6 fiber suture, có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo, chất liệu chỉ UHMWPE. Kích thước thanh treo: 4x12mm. Lực kéo khoảng 1144 Newton. Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được	Cái	10.500.000	100	1.050.000.000
	84	23BV-G14-74.5	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi khớp.	Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử siêu bền (UHMWPE), bề rộng chỉ 1.40 mm. Lực kéo 576,12 N/mm2. Cố định mô mềm trong nội soi khớp	Sợi	1.500.000	50	75.000.000
81		23BV-G14-75	Bộ nội soi cắt lọc		Bộ			
	85	23BV-	Lưỡi cắt đốt cao tần	Cung cấp tốc độ cắt lớn nhất với lượng mô lớn trong	Cái	6.500.000	50	325.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
		G14-75.1		nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ, có nhiều lỗ hút nước ra giúp trường quan sát tốt Bề mặt điện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp. Độ gập góc 30 đến 90				
	86	23BV-G14-75.2	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mổ nội soi khớp. Vật liệu: nhựa có bộ chip điều khiển được dòng nước: tốc độ và áp lực dòng chảy. Sử dụng với máy bơm nước có áp lực đến 200 mmHg, lưu lượng bơm đến 2 L/phút	Cái	1.500.000	50	75.000.000
	87	23BV-G14-75.3	Lưới bảo khớp các loại, các cỡ	Cửa sổ bảo rộng cho phép bảo được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính: 3.5 đến 5.5 mm. Dùng 1 lần, bảo cất lọc mô xơ, thiết kế rỗng nòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước giúp dễ thao tác trong quá trình phẫu thuật.	Cái	6.000.000	50	300.000.000
82	88	23BV-G14-N3-121	Bộ hút huyết khối mạch vành	Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041". Loại 6F thích hợp với catheter dẫn đường với kích thước bên trong lumen nhỏ nhất là 0.071". Tổng chiều dài 145cm. Đoạn Rx 25cm Lớp phủ Hydrophilic ở phần thân xa của catheter là 25cm. Dây thăm dò cứng với cạnh xa tròn, dài 126.5 cm. Chiều dài đầu tip đến vị trí đánh dấu chắn xạ là 3.0 mm. Dung tích hút của bộ 6F (dung tích nước) 60ml/45giây hoặc 1.33ml/giây. Một bộ tiêu chuẩn gồm: 1 x catheter hút huyết khối 6F hoặc 7F; 1 x dây thăm dò cứng; 1 x ống tiêm hút 60ml; 2 x giỏ lọc; 1 x dây nối van khóa vòi 1 hướng	Bộ	7.170.000	20	143.400.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
83	89	23BV-G14-76	Quả lọc máu cho người lớn, trẻ em	Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone, có tính tương thích sinh học cao. Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. Diện tích bề mặt: 0.25m ² / 0.68m ² Thể tích dịch môi (Circuit): 45ml/ 137ml Áp lực tối đa: 66kPa Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải.	Quả	2.681.000	70	187.670.000
84	90	23BV-G14-N1-137	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Áp lực 6atm - 20atm. Đầu tip ngắn, đầu vào vị trí tổn thương 0,017". Có vạch kép đánh dấu (marker) platinum iridium. Thiết kế thân trong cấu tạo Bi-segment. Thân ngoài chất liệu Slope, phủ Hydrophilic giúp làm giảm ma sát trên thân catheter. Đường kính: 2.0mm đến 30mm. Chiều dài catheter Monorail: 143cm ± 3cm	Cái	7.990.000	80	639.200.000
85	91	23BV-G14-N1-138	Bóng nong mạch vành áp lực thường loại siêu nhỏ	Áp lực 6atm - 18atm. Đường kính vượt qua tổn thương: 0.66mm (0.026") Chất liệu bóng: OptiLEAP, phủ ZGlide Hydrophilic. Có vạch đánh dấu chắn xạ Platinum iridium. Đường kính tối thiểu: 1.2mm đến 4.0mm, có tối thiểu 10 kích thước đường kính, chiều dài tối thiểu: 8mm đến 30mm có tối thiểu 5 kích thước chiều dài Chiều dài catheter: 143cm đến 144cm có tối thiểu 2 kích thước chiều dài	Cái	7.990.000	50	399.500.000
86	92	23BV-G14-N1-156	Bóng nong mạch vành và cầu nối	Bóng nong mạch vành và cầu nối, chịu áp lực bình thường 7atm, áp lực vỡ bóng 14atm. Khẩu kính đầu vào 0.017". Chiều dài thân hữu dụng Catheter bóng 140 cm Guiding tương thích nhỏ nhất 5F. Dây dẫn tương	Cái	8.189.000	20	163.780.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>thích 0.014"</p> <p>Thiết kế: hypotube, có lớp phủ ái nước xen kẽ cho đường kính 1.25-2.0mm, lớp phủ kỵ nước xen kẽ cho đường kính 2.5-4.0 mm</p> <p>Vật liệu bóng làm bằng Polymer.</p> <p>Bóng có 2 nếp gấp và 1 marker hoặc 3 nếp gấp và 2 marker.</p> <p>Thân bóng với đường kính 1.25- 2.0 mm có lớp phủ đan xen ái nước.</p> <p>Thân bóng với đường kính 2.5 - 4.0 mm có lớp phủ đan xen kỵ nước.</p> <p>Điểm đánh dấu (Marker): Platinum-Iridium.</p> <p>Điểm đánh dấu ở thân: 92 cm từ đầu tip (đi đường cánh tay), 102 cm từ đầu tip (đi đường đùi)</p> <p>Kích thước khác nhau: đường kính tối thiểu 7 kích thước từ 1.25 đến 4.0 mm; chiều dài tối thiểu 5 kích thước từ 6 đến 30 mm</p>				
87	93	23BV-G14-N1-157	Bóng nong mạch vành áp lực cao	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao: Chịu áp lực bình thường 14atm, áp lực vỡ bóng tới 18atm hoặc 20atm. Khẩu kính đầu vào bóng 0.018".</p> <p>Chiều dài thân hữu dụng bóng 145cm.</p> <p>Guiding trong thích 5F. Dây dẫn trong thích 0.014"</p> <p>Vật liệu bóng làm bằng Polymer</p> <p>Bóng có 3 nếp gấp.</p> <p>Điểm đánh dấu: Platinum-Iridium.</p> <p>Đủ kích thước khác nhau: đường kính tối thiểu 10 kích thước khác nhau từ 2.0 đến 5.0 mm; chiều dài: tối thiểu từ 8 đến 30 mm.</p>	Cái	5.900.000	90	531.000.000
88	94	23BV-G14-N2-	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	<p>Đường kính đầu tip nhỏ 0.41mm (0.016"). Đầu tip hình nón. Với Crossing Profile đạt 0.024"- 0.032" tùy</p>	Cái	6.900.000	50	345.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
		160		đường kính bóng. Phủ lớp ái nước. Điểm đánh dấu bằng vàng. Chiều dài Catheter: 142 cm. Đường kính tối thiểu 11 cỡ phân biệt từ 2.0 đến 5.0. chiều dài tối thiểu 6 kích thước từ 6 đến 27mm; Bóng có nếp gấp: đường kính 2.0 đến 5.0mm. có từ 3 đến 5 nếp gấp.				
89	95	23BV-G14-N3-139	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao	Khẩu kính vào tổn thương 0.016" Khẩu kính băng qua tổn thương 0.028" Bóng nong được đến áp lực 35 bar. Cấu trúc bóng 2 lớp, Đầu tip dài 4 mm Bóng gồm cả loại 2 nếp gấp và 3 nếp gấp Đường kính tối thiểu 7 kích thước từ 1.5 đến 4.5mm; dài 10 đến 20mm	Cái	7.250.000	80	580.000.000
90	96	23BV-G14-N3-151	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Bóng áp lực cao, Áp suất 12 bar; 22-24 bar Chất liệu bóng Polyamide, 3 nếp gấp Tương thích với guiding catheter 5F. Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm); đường kính đầu xa bóng 0.023"(0.58mm); đường kính đầu gần bóng 0.025"(0.63mm) Đầu gần thân 1.9F(0.64mm), đầu xa thân 2.7F(0.90mm). Catheter dài 154cm. Xẹp bóng 3s Phủ lớp ái nước. Đầu tip thuận, dài 3mm. Đường kính bóng tối thiểu 8 kích thước từ 2.0 đến 4.5mm. Tối thiểu 5 kích thước chiều dài từ 5 đến 20mm	Cái	6.390.000	80	511.200.000
91	97	23BV-G14-N3-152	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	Bóng bán áp lực cao, Áp suất 6 bar; 16 bar Chất liệu bóng Semi-compliant Polyamide, 3 nếp gấp-Tương thích với guiding catheter 5F và 6F Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm); đường kính	Cái	6.390.000	50	319.500.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				đầu xa bóng 0.023"(0.58mm); đường kính đầu gần bóng 0.025"(0.63mm) Đầu gần thân 1.9F(0.64mm), đầu xa thân 2.6F (0.86mm). Catheter dài 154cm. Xẹp bóng 3s Phủ lớp ái nước. Đầu tít thuôn, dài 3mm. Đường kính bóng tối thiểu 6 kích thước từ 1.5 đến 4.0mm, tối thiểu 4 kích thước chiều dài từ 10 đến 30mm				
92	98	23BV-G14-N3-161	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Đầu tít 0,017". Chất liệu bóng polyamide, Bóng có marker chất liệu tungsten/iridium, Bóng có 2 loại 1 nếp gấp và 2 nếp gấp. Đường kính đầu xa: 2.55F, đầu gần: 1.9F, Crossing profile:0.025"-0.063", Chiều dài thân catheter khả dụng: 140cm, Đường kính từ 1.5-4.0mm, Chiều dài từ 2.0- 40mm	Cái	7.500.000	50	375.000.000
93	99	23BV-G14-N6-165	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Chất liệu bóng Pebax, Đường kính trục 2.55F (1.5-2.75mm), 2.7F (3.00-4.00mm), 1.9F, trục phủ PTFE. Chiều dài có thể sử dụng ≤142cm. Tương thích với Guidewire 0.014". Tương thích với Catheter 5F. Áp lực thường ≤6atm, áp lực gây vỡ bóng ≥16atm, áp lực gây vỡ bóng trung bình ≥20atm. Phủ lớp dầu. Đầu mềm thon giảm tổn thương. Kích thước tối thiểu 7 kích thước: Đường kính bóng từ 2.00 đến 2.50mm, chiều dài từ 10 đến 25mm	Cái	4.400.000	60	264.000.000
94	100	23BV-G14-N6-166	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Chất liệu bóng Nylon Đường kính trục 2.7F, 1.9F. Chiều dài có thể sử dụng ≤142cm. Trắc diện đi qua tổn thương 0.016" Tương thích với Guidewire 0.014". Tương thích với Catheter 5F. Áp lực thường ≤10atm, áp lực gây vỡ bóng ≥20atm, áp lực gây vỡ bóng trung bình ≥26atm. Phủ lớp dầu.	Cái	5.200.000	90	468.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				Có tối thiểu 19 kích thước: Đường kính bóng từ 2.50 đến 4.00mm, chiều dài từ 10 đến 25mm				
95	101	23BV-G14-N1-177	Dây dẫn đường ái nước dài 260 cm	Cấu tạo: Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim; Lớp ngoài là Polyurethane; Lớp phủ ái nước Hydrophilic Hình dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J. Kích thước: Chiều dài dây dẫn: 260 cm; Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm; Đường kính tối thiểu 3 kích thước từ: 0.025" đến 0.038"	Cái	596.000	100	59.600.000
96	102	23BV-G14-77	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh	Đường kính 0.010 inch đến 0.014 inch Lớp phủ Hydrophilic dài ≤ 170 cm Lớp phủ polymer dài ≤ 150 cm Độ hiển thị đầu tip dài: 3, 5 cm Đầu tip loại thẳng, cong tròn, góc 90 độ Chiều dài 200cm đến 300cm.	Cái	6.000.000	50	300.000.000
97	103	23BV-G14-78	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	Dây dẫn ái nước, chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.014", dài 205 cm, đầu mềm quần lò xo platinum dài 5cm. Dùng với vi ống thông và coils để làm can thiệp thần kinh phòng động mạch máu não.	Cái	5.990.000	50	299.500.000
98	104	23BV-G14-79	Dây dẫn đường cho Catheter	Lớp phủ polymer thân nước tăng khả năng bôi trơn. Trục xa đàn hồi và được phủ lớp lubricious mang lại khả năng tiếp cận tuyệt vời. Đầu tip cân quang dài 3cm đầu chữ J, thẳng hoặc gấp góc. Đường kính 0.032 đến 0.038". Chiều dài tối thiểu từ 150 đến 260cm.	Cái	630.000	500	315.000.000
99	105	23BV-G14-80	Dây dẫn can thiệp loại rất cứng, dùng cho can thiệp mạch máu hoặc can thiệp động mạch chủ	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên. Chất liệu trục: thép không gỉ, phủ: PTFE. Đầu tip linh hoạt, chống tổn thương, đầu xa có thể tạo hình 3cm. Loại đầu tip thẳng hoặc chữ J Đường kính: 0.035", 0.038".	Cái	2.350.000	10	23.500.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				Chiều dài: tối thiểu từ 75cm đến 260cm.				
100	106	23BV-G14-81	Dây dẫn đường(guide wire) can thiệp mạch ngoại biên, loại ái nước	Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.018", chiều dài 110cm đến 300cm Chất liệu thép không gỉ: Scitanium. Lớp phủ: ICE ái nước được phủ trên 8cm đến 12 cm đầu xa, đảm bảo độ cứng chắc và trơn láng, có thể qua được các tổn thương khúc khuỷu. Đầu tip cân quang dài 2cm (Đầu tip cân quang cho hình ảnh rõ nét hơn). Tip load: 6 gr, 8 gr.Loại đầu: thẳng và cong. Đầu tip có cấu trúc xoắn, cuộn linh hoạt.	Cái	2.890.000	30	86.700.000
101	107	23BV-G14-82	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp ĐM cảnh	Chiều dài khoảng: 190cm đến 300cm. Đầu dây dẫn Platinum dạng xoắn, cuộn linh hoạt có cân quang. Phù hợp cho các mạch máu có đường kính khoảng từ 3.5 đến 5.5mm. Chất liệu trục: thép không gỉ. Lớp phủ: PTFE, đường kính ≥ 0.014 ", profile xuyên qua: 3.2F. Nguyên liệu lưới lọc: Polyurethane, có móc chắn xạ NitiLoop, kích thước lỗ lưới siêu nhỏ khoảng 110 micron.	Cái	30.450.000	15	456.750.000
102	108	23BV-G14-N1-199	Vi dây dẫn đường cho bóng và Stent loại dành cho tổn thương hẹp khít	Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm Vật liệu: Phần lõi: đoạn gần bằng thép không gỉ, đoạn xa Nickel – Titanium; Lớp cuộn: Platinum và thép không gỉ Lớp phủ ngoài: Đoạn xa có lớp cuộn: Lớp phủ ái nước. Cho đoạn gần: phủ PTFE và Silicone Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: không đánh dấu - một dấu - hai dấu- Kích thước: 0.014" x 180cm	Cái	2.400.000	100	240.000.000
103	109	23BV-G14-N2-201	Dây dẫn đường can thiệp	Dây dẫn ái nước, lõi thép không gỉ, đầu tunsteng. Đường kính: 0.014" và 0.018". Độ dài tối thiểu 3 kích thước từ: 135 đến 190cm	Hộp	2.850.000	35	99.750.000
104	110	23BV-	Quả lọc thận nhân tạo	Chất liệu màng Polysulfone hoặc tương đương	Quả	320.000	10.000	3.200.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
		G14-84		<p>Chất liệu vỏ quả: Polycarbonate/ Polyurethane hoặc tương đương</p> <p>Diện tích màng lọc $\geq 1.5 \text{ m}^2$</p> <p>Hệ số siêu lọc (KUF): $\geq 18 \text{ ml/h/mmHg}$</p> <p>Phương pháp khử trùng bằng tia điện tử hoặc tương đương</p> <p>Với tốc độ bơm máu: 200 ml/min thì hệ số lọc Urea ≥ 193, Creatinine ≥ 184, Phosphate ≥ 166, Vitamin B12 ≤ 111.</p> <p>Độ dày của màng ≥ 40; Đường kính trong ≥ 200; Thể tích môi ≤ 87</p>				
105	111	23BV-G14-N6-216	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	<p>Vật liệu vỏ Polycarbonate. Vật liệu hấp phụ là các hạt có bản chất là Styren divinyl benzen copolymer.</p> <p>Thể tích hấp phụ: 130mL. Thể tích khoang máu: 114 mL. Diện tích hấp phụ: 52.000 m². Nội trở: 4kPa.</p> <p>Lưu lượng máu tối đa: 250mL/phút. Áp suất chịu đựng: 100kPa. Độ chịu lực của hạt: 8,1N. Dải hấp phụ: 5~30kDa. Năng lực hấp phụ sau 2h trên invivo: PTH: 53.4%; MG: 44.7%; Creatinine: 85%; protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5% hoặc tương đương</p>	Quả	2.600.000	500	1.300.000.000
106	112	23BV-G14-85	Bộ mở thông dạ dày qua da	<p>Bộ kim khâu cố định da và dạ dày</p> <p>Chỉ khâu y tế</p> <p>Bộ kim khâu 02 mũi kim làm bằng thép không gỉ, có bộ phận xoay để đưa chỉ khâu vào dạ dày, rọ bắt chỉ khâu 02 chức năng đóng và mở</p> <p>Tổng chiều dài của bộ kim khâu 230 mm \pm 10mm - Chiều dài làm việc của kim khâu 80 mm \pm 5mm - Với bộ kim khâu cố định da và dạ dày tránh được việc dịch vào giữa da và dạ dày gây ra viêm phúc mạc 2. Bộ kim mở thông dạ dày</p>	Bộ	4.880.000	20	97.600.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>Kim mở thông dạ dày làm bằng thép không gỉ Trên thân kim mở thông dạ dày 02 chức năng: khoá và mở khoá mũi kim Có vỏ bọc để dẫn đường đưa ống thông vào dạ dày. Chiều dài của vỏ bọc 100mm ± 5mm, vỏ bọc kim PS 02 chức năng khoá và mở khoá Mũi kim có chức năng tự động rút lại: khi vừa qua da và thành dạ dày đầu tiên lực cản mất đi, mũi kim tự động rút lại tránh nguy cơ mũi kim đâm vào thành sau của dạ dày. Đường kính vỏ bọc 7.4mm ± 1mm 3. Ống thông nuôi ăn dạ dày. Ống làm bằng silicone 100%, có bóng cố định ở đầu cuối ống có dung tích 10ml, Chiều dài 22,5cm ± 1cm. Ống thông nuôi ăn có kích thước 20Fr tạo lỗ nuôi ăn nhỏ hạn chế tối đa tổn thương da và dạ dày Ống thông có 2 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng cho việc cố định bên trong dạ dày. Có miếng cố định để cố định ống thông nuôi ăn dạ dày, có chức năng khoá khi không bơm thức ăn</p>				
107	113	23BV-G14-86	Lưới thoát vị 15x15	<p>Miếng lưới vá thoát vị bẹn, thành bụng cỡ 15x15cm. Chất liệu: Sợi Monofilament Polypropylene độ dày 0,5mm chịu được áp lực và kháng lực cao Kích thước lỗ: 1.2*0.9 mm Trọng lượng: 57 g/m² Độ bền (Lực căng đứt): 750.0 kPa, Độ bền kéo thẳng (lực căng kéo thẳng) : Dọc 275N; Ngang 250N không dính, trong suốt, mềm mại, chắc chắn.</p>	Cái	629.000	300	188.700.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
108	114	23BV-G14-87	Rọ lấy sỏi	Rọ gấp sỏi có cấu tạo chủ yếu là tay cầm, giá đỡ, lõi trong và các cánh rọ.	Cái	2.150.000	90	193.500.000
109	115	23BV-G14-88	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sóng có bóng	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sóng loại 2 bóng bao gồm:* 01 dao chích da vô trùng thì đầu số 11, hình dáng phù hợp với kỹ thuật bơm xi măng* 01 bộ kit bơm xy măng 2 bóng gồm các thành phần:+/ 02 bộ kim chọc dò cuống sóng kích thước 11G/13G, gồm vỏ và nòng (vỏ có vạch chia để xác định độ sâu, 1 nòng kim đầu dạng vát nhọn, 1 nòng kim đầu dạng vát kim cương). Cán cầm thiết kế nhỏ gọn với hệ thống khóa, vạch dẫn hướng, thân kim và ống chất liệu thép không gỉ. Kim có chiều dài hoạt động 120 ± 10mm, chiều dài toàn bộ 170 ± 10mm+/ 01 Dụng cụ khoan thân đốt sóng: chiều dài hoạt động 182 ± 10mm, chiều dài tổng thể 217 ± 10mm, đường kính 3mm, thân khoan có vạch chia để xác định độ sâu khi khoan.+/ 02 Bóng nong thân đốt sóng: có các cỡ tối thiểu từ 10 đến 20mm, áp lực tối đa đến 400 PSI+/ 01 bộ dụng cụ bơm đẩy xy măng: gồm 6 kim và 04 xy lanh dung tích 2.5 ml+/ Bơm bóng có đồng hồ đo áp lực: 02 cái* Bộ trộn xy măng dạng bi lắc dung tích 90cc, có thể kết nối với xy lanh phù hợp để hút xi măng ra. *01 gói Xi măng sinh học cột sóng độ nhớt thấp đựng sẵn trong bộ trộn:- Bao gồm 20g bột có thành phần 67,50% Polymethylmethacrylate, 30% Barium sulphate, 2,5% Benzoyl peroxide đựng sẵn trong ống trộn xi măng và 9,4g chất lỏng có thành phần 99,1% Methylmethacrylate, 0,9% N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone 75 ppm. Thể tích xi măng sau khi trộn là 22,6 cc.	Bộ	46.500.000	50	2.325.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				Thời gian trộn 60 giây, thời gian đợi 5 phút và thời gian làm việc của xi măng khoảng 10 phút.				
110	116	23BV-G14-89	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống loại không bóng bao gồm: 01 dao chích da vô trùng thì đầu số 11, hình dáng phù hợp với kỹ thuật bơm xi măng. 02 Kim chọc dò cuống sống đầu vát chất liệu thép AISI 304 và nhựa ABS, thân kim chia vạch, cỡ 11G (3mm), dài 150mm, có cơ chế khóa và tay cầm chắc chắn. Độ dài đầu vát 2.35 mm. 01 bộ bơm áp lực đẩy xi măng dạng pittong xoắn, dung tích 10cc. 01 gói Xi măng sinh học cột sống độ nhớt thấp đựng sẵn trong bộ trộn: Bao gồm 20g bột có thành phần 67,50% Polymethylmethacrylate, 30% Barium sulphate, 2,5% Benzoyl peroxide đựng sẵn trong ống trộn xi măng và 9,4g chất lỏng có thành phần 99,1% Methylmethacrylate, 0,9% N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone 75 ppm. Thể tích xi măng sau khi trộn là 22,6 cc. Thời gian trộn 60 giây, thời gian đợi 5 phút và thời gian làm việc của xi măng khoảng 10 phút	Bộ	15.000.000	50	750.000.000
111	117	23BV-G14-90	Bộ dụng cụ bơm xi măng loại có bóng (Bao gồm xi măng)	02 Bóng nong thân đốt sống, chiều dài ban đầu của bóng là 10mm đến 20mm, bóng chịu lực tối đa 300psi, có hai điểm cảm quang kiểm soát độ sâu. Thể tích tối đa 3cc đến 7cc, đường kính tối đa khi bơm phòng là 14mm đến 19mm, chiều dài tối đa khi bơm phòng là 16mm đến 34mm. 02 Bơm áp lực có đồng hồ đo áp suất dạng Xi lanh có đồng hồ cơ thể hiện áp lực, có tay cầm và đòn bẩy giúp điều chỉnh tăng giảm áp suất, dung tích chứa 20ml. Hiện thị áp suất tối đa đo được là 350psi.	Bộ	41.000.000	50	2.050.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>02 Ống dẫn hướng trong dạng rỗng nòng để dẫn mũi khoan, vật liệu nhựa và thép không gỉ, chiều dài khả dụng $160 \pm 10\text{mm}$, tổng chiều dài $175 \pm 10\text{mm}$, đường kính thân ống 3.8mm, đường kính mũi vít 2mm.</p> <p>2 Ống dẫn hướng ngoài dạng rỗng nòng để dẫn mũi khoan, vật liệu nhựa và thép không gỉ, chiều dài khả dụng $136 \pm 10\text{mm}$, tổng chiều dài $157 \pm 10\text{mm}$, đường kính trong 3.8mm, đường kính ngoài 4.3mm.</p> <p>2 Thanh định vị (chốt dây) dạng tròn bằng thép không gỉ, chiều dài 270mm, đường kính 1.8mm, có tác dụng chốt dẫn hướng cho ống dẫn hướng sau khi dò cuống sống bằng kim dò.</p> <p>02 Kim mũi khoan tạo đường hầm dạng vát, vật liệu nhựa và thép không gỉ, tổng chiều dài $236 \pm 10\text{mm}$, chiều dài khả dụng $209 \pm 10\text{mm}$, chiều dài phần ren 30mm, đường kính 3.5mm.</p> <p>06 Kim chứa và chọc đẩy Xi măng vào thân đốt sống, vật liệu nhựa và thép không gỉ. Thanh đẩy xi măng có tổng chiều dài $258 \pm 10\text{mm}$, chiều dài khả dụng $223 \pm 10\text{mm}$, đường kính 3mm. Ống chứa xi măng có tổng chiều dài 223mm, đường kính trong 3.1mm, đường kính ngoài 3.5mm. Xi măng xương kèm dung dịch pha. Đóng gói bao gồm: 20g xi-măng sinh học và 8.5g dung dịch pha. Thành phần bột Xi-măng: Poly-methylmethacrylate: 7.70g; Zirconium dioxide: 12.00g; Benzoyl Peroxide: 0.30g; thành phần dung dịch pha: Methyl methacrylate (monomer) 8.436g, N.N-dimethyl para toluidine 0.064g, hydroquinone 150ppm. Thời gian đông cứng: từ 7 - 14 phút tùy theo nhiệt độ phòng.</p>				

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
112	118	23BV-G14-91	Bộ dụng cụ đồ xi măng tạo hình thân đốt sống loại không bóng	01 Bộ trộn và bơm đẩy xi măng 02 Kim chọc dò cán chữ T, mũi vát 1 bên: Bao gồm kim mũi vát, cán chữ T và nòng (trocar) vật liệu nhựa và thép không gỉ, Ống kim có chiều dài khả dụng 115mm, tổng chiều dài ống 136mm, đường kính trong 2mm, đường kính ngoài 3mm ; Lõi kim chiều dài khả dụng 139 ± 5mm, tổng chiều dài 153 ± 5mm; đường kính 2mm. Xi măng xương kèm dung dịch pha: Thành phần Xi-măng: Poly-methylmethacrylate: 7,70g; Zirconium dioxide: 12,00g; Benzoyl Peroxide: 0,30g. Đóng gói bao gồm: 20g xi-măng sinh học và 8.5g dung dịch pha. Thời gian đông cứng: từ 7 - 14 phút tùy theo nhiệt độ phòng.	Bộ	18.400.000	50	920.000.000
113	119	23BV-G14-92	Bộ bơm xi măng có bóng (Loại 1 bóng kép)	Kim chọc dò cuông sống (taro) 7G, đường kính 3,6mm Gói xi măng sinh học gồm: 24 g bột gồm (Poly MMA 10,95g, Poly MA, MMA. 1,75g, Zirconium dioxid 10,80g, Benzoyl peroxid 0,50g). 10ml dung dịch pha gồm (MMA 9,93 ml, Dimethyl-p-toluidine 0,07ml, Hydroquinone 60 ppm) Kim chọc bơm xi măng độ dài 25cm, thể tích 1,5ml. Bộ bóng nong kép cỡ 2 x 8mm kèm đồng hồ đo áp lực từ 0 đến 30 Bar; Bơm áp lực đẩy xi măng 0 - 35ml	Bộ	46.900.000	50	2.345.000.000
114	120	23BV-G14-93	Bộ bơm xi măng loại thường dùng súng áp lực cao	Bơm áp lực cao dạng súng, dung tích 15ml, ống bơm xi măng có đầu kết nối bằng thép không gỉ, Bộ trộn xi măng loại tay quay dạng kín, dung tích 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml Kim chọc dò cán nhựa chữ T, đường kính các loại	Bộ	19.990.000	50	999.500.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				11G chiều dài 10cm đến 15cm. Trên thân kim có vạch đo độ sâu tương ứng. Kim là loại đầu vát Gói Xi măng sinh học có độ nhớt thấp, khối lượng xi măng 20g (13,84g Polymethylmethacrylate, 6g Bariumsulfat, 0.16g Benzoyl peroxid) kèm 10ml dung dịch pha (9,96ml Methyl methacrylate, 0.04 ml N,N-dimethyl-p-toluidine, 20ppm Hydroquinone).				
115	121	23BV-G14-94	Bộ bơm xi măng cột sống 2 bóng, vào cuống trực tiếp	Bóng nong thân đốt sống các size tùy chọn từ 10mm đến 20mm, dài 20cm, có 2 van riêng biệt, dùng tương thích với cả hai loại bơm áp lực dạng cơ và dạng kỹ thuật số. Áp suất tối đa của bóng chịu được 400psi (27 bar). Thể tích tối đa khi bơm phòng gồm 1.8ml đến 5.5ml, đường kính tương ứng từ 14.5mm đến 15.6mm, chiều dài tương ứng từ 11.2mm đến 21.4mm. Khả năng tạo khoang trong thân đốt sống từ 15 đến 25mm kèm 02 Bơm áp lực cho bóng nong thể tích bơm 25ml. Kim chọc dẫn đường vào thân đốt sống cho bóng nong loại 11G (đường kính ngoài 3.5mm), chiều dài 15cm Kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống đường kính 2.9mm, chiều dài 20cm, dung tích 1.5ml. Kim chọc tạo đường hầm vào thân đốt sống đường kính 3.0mm, chiều dài 20cm Bơm áp lực đẩy xi măng dạng kín, có van kết nối, bộ trộn vừa có chức năng trộn vừa có chức năng nạp xi măng vào kim chứa xi măng. Chất liệu khoang chứa xi măng là Polypropylene, phần thân trong chất liệu là Polycarbonate, phần thân ngoài chất liệu là Ethylene- Vinyl Acetate, phần trụ xoay chất liệu thép	Bộ	49.700.000	50	2.485.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				304, nút bấm chất liệu là nhựa. Bộ trộn đi kèm gồm: 01 phễu đổ xi măng và 01 đầu lọc đóng tiệt trùng, 01 tấm trải dụng cụ tiệt trùng. Hộp xi măng gồm: 01 gói xi măng có độ nhớt thấp, khối lượng xi măng 20g (13.84g Polymethylmethacrylate, 6g Bariumsulfat, 0.16g Benzoyl peroxid) kèm 10ml dung dịch pha (9.96ml Methyl methacrylate, 0.04 ml N,N-dimethyl-p-toluidine, 20ppm Hydroquinone).				
116		23BV-G14-95	Bộ lưới và sọ Titan kích thước 77*113mm dùng vít 1.5, 1.6mm (Bao gồm 1 lưới 77*113 và 10 vít)		Bộ			-
	122	23BV-G14-95.1	Lưới và sọ Titan Kích thước 77*113mm	Cỡ 77x113mm. Vật liệu: titanium. Độ dày 0,6 mm	Miếng	7.150.000	100	715.000.000
	123	23BV-G14-95.2	Vít dùng cố định lưới và sọ não tịt khoan, tịt taro	Chất liệu là hợp kim titanium Đường kính vít: 1,5 đến 1,6 mm Chiều dài vít: 4,0 mm. Vít tịt khoan, tịt taro	Cái	650.000	1.000	650.000.000
117		23BV-G14-96	Bộ lưới và sọ Titan kích thước 148*148mm dùng vít 1.5, 1.6mm (Bao gồm 1 lưới 148*148mm và 15 vít)		Bộ			
	124	23BV-G14-96.1	Lưới và sọ Titan Kích thước 148*148mm	Cỡ 148*148 mm. Vật liệu: titanium . Độ dày 0,6 mm	Miếng	14.700.000	100	1.470.000.000
	125	23BV-G14-96.2	Vít dùng cố định lưới và sọ não tịt khoan, tịt taro	Chất liệu là hợp kim titanium. Đường kính vít: 1,5 đến 1,6 mm. Chiều dài vít: 4,0 mm	Cái	650.000	1.500	975.000.000
118	126	23BV-G14-97	Bộ kit thu nhận tiêu cầu đơn (đã bao gồm túi chống đông ACD-A)	Bộ kit thu nhận tiêu cầu hoàn toàn Kim lấy máu: dạng kim cánh bướm, kích thước 17G có nắp đậy, có bộ phận bảo vệ đầu kim Kim kết nối với túi chống đông: dạng kim nhựa có nắp đậy. Bàu ly tâm: dung tích 225ml Có túi chống đông ACD-A tỷ lệ 1:9, dung tích ≥ 500ml đi kèm. Các dây dẫn có chỉ thị màu Có bộ phận lọc khí trên đường truyền máu và trả máu	Bộ	2.700.000	200	540.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>về. Đường dẫn độc lập dành có chất chống đông và đường dẫn máu</p> <p>Các bộ phận của bộ kit đã được ghép nối kín với nhau không cần hàn gắn khi sử dụng.</p> <p>Túi tiểu cầu làm bằng chất liệu CPP</p> <p>Bộ kit chỉ sử dụng 1 kim</p> <p>Bộ kit bao gồm: Kim lấy máu và trả máu về: 1 cái; Kim kết nối với túi chống đông: 1 cái; Bâu ly tâm Latham: 1 cái; Túi lấy mẫu máu cho xét nghiệm sàng lọc kèm bộ phận lấy mẫu chân không 50ml: 1 túi; Bộ phận lọc khí truyền đường truyền máu: 1 bộ; Túi đựng sản phẩm tiểu cầu 1000ml: 1 túi; Túi đựng sản phẩm huyết tương 1000ml: 1 túi; Túi khí cân bằng áp suất 600ml: 1 túi; Túi lấy mẫu tiểu cầu 90ml: 1 túi</p>				
119	127	23BV-G14-98	Bộ kit thu nhận tế bào gốc, gan tách tiểu cầu, bạch cầu điều trị 125ml (đã bao gồm túi chống đông ACD \geq 500 ml)	<p>Bộ kit thu nhận tế bào gốc máu ngoại vi hoặc điều điều trị giảm tiểu cầu, bạch cầu</p> <p>Kim lấy máu: dạng kim cánh bướm, kích thước 16G-</p> <p>Kim kết nối với túi chống đông: dạng kim nhựa có nắp đậy.</p> <p>Bâu ly tâm Latham: dung tích 125ml</p> <p>Có túi chống đông ACD-A, dung tích \geq 500ml đi kèm.</p> <p>Có bộ phận lọc khí trên đường truyền máu và trả máu về Bộ kit gồm 4 túi và 5 kẹp chi tiết như sau: Túi 1: Túi chứa máu toàn phần cho xét nghiệm sàng lọc; Dung tích 50ml; Tích hợp holder và kim lấy mẫu chân không; Có 1 kẹp để khóa túi mẫu khi lấy đủ thể tích mẫu. Túi 2: Túi huyết tương; Dung tích 1000 ml Túi 3: Túi bảo quản PBSC; Dung tích 1000 ml; Có 1 kẹp để tránh các thành phần máu vào bộ lọc trước</p>	Bộ	5.300.000	300	1.590.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				khi lọc Túi 4: Dụng và bảo quản sản phẩm tế bào gốc máu ngoại vi; Dung tích 600ml; Có 1 kẹp khóa khi thu nhận xong; Đường ống gòn kim lấy máu có 1 kẹp gòn đầu kim; Trên đường ống cảm biến áp lực ven người hiến và cảm biến áp suất hệ thống có 2 kẹp				
120	128	23BV-G14-99	Bộ kit pool tiểu cầu lọc bạch cầu	Bộ kit phù hợp với phương pháp lọc bạch cầu cho khô tiểu cầu pool được điều chế từ Buffy-Coat. Có túi lưu mẫu tiểu cầu sau điều chế Có thể sử dụng túi huyết tương hoặc dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu Bộ lọc bạch cầu bằng nhựa cứng giúp ổn định màng lọc Túi chứa tiểu cầu sau lọc bạch cầu được làm bằng chất liệu PVC-TOTM giúp bảo quản tiểu cầu đến 5 ngày. Thể tích thực 1.500ml Có van khóa dạng bẻ ở túi pool tránh thành phần máu tràn vào bộ lọc trước khi điều chế tách. Năng lực lọc: lượng bạch cầu tồn dư < 1×10^6 - Tỷ lệ thu hồi tiểu cầu sau lọc: > 85% Bộ túi gồm: Ống nối dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu hoặc huyết tương: 01 cái; Ống pool: 06 cái; Túi pool trước lọc bạch cầu: 01 cái; Bộ lọc bạch cầu: 01 cái; Túi chứa tiểu cầu sau lọc bạch cầu: 01 cái; Khóa kẹp: 06 cái; Túi lấy mẫu tiểu cầu sau khi lọc bạch cầu: 01 cái; Van khóa dạng bẻ ở túi pool trước lọc: 01 cái	Bộ	700.000	2.000	1.400.000.000
121	129	23BV-G14-100	Bộ lọc bạch cầu cho hồng cầu trong phòng điều chế	Phù hợp với phương pháp điều chế tại Labo Có túi bảo quản hồng cầu Có thể sử dụng huyết tương hoặc dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu Bầu đệm giọt có màng lọc giúp ngăn ngừa cục máu	Bộ	500.000	100	50.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				<p>đông vào bộ lọc tránh gây tắc bộ lọc Năng lực lọc: lượng bạch cầu tồn dư $< 1 \times 10^6$</p> <p>Tỉ lệ thu hồi hồng cầu sau lọc: $> 85\%$</p> <p>Bộ kit bao gồm: Kim kết nối với khối hồng cầu: 01 cái; Bâu đệm giọt có màng lọc: 01 cái; Khóa kẹp: 03 cái; Ống rẽ nhánh: 01 cái; Túi bảo quản hồng cầu: 01 cái; Bộ lọc bạch cầu: 01 bộ</p>				
122	130	23BV-G14-101	Bộ dụng cụ gộp khối tiểu cầu và lọc bạch cầu	<p>Tính năng kỹ thuật chung: Bộ kit được tiệt trùng và đóng gói riêng biệt trong túi trong suốt, có vị trí bóc dễ dàng; Phù hợp với phương pháp pool tiểu cầu từ BuffyCoat tại Labo; Có túi lưu mẫu tiểu cầu sau điều chế; Có thể sử dụng huyết tương cùng nhóm máu hoặc dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu để tráng tiểu cầu và bổ sung thể tích; Bộ lọc bạch cầu có vỏ mềm với màng lọc sợi polyester không dệt; Có các đầu kết nối với túi BuffyCoat và dung dịch nuôi dưỡng phù hợp bằng phương pháp nối vô trùng; Có van khóa dạng bẻ ở túi chuyên tránh thành phần máu tràn vào bộ lọc trước khi điều chế tách tiểu cầu và lọc bạch cầu</p> <p>Thông số kỹ thuật: Chất liệu màng lọc: sợi polyester không dệt; Tổn hao qua phin lọc $\leq 8\text{ml}$; Thời gian lọc hiệu quả: Trong 20h kể từ khi lấy máu; Thời gian lọc trung bình: 3 phút; Năng lực lọc (số lượng bạch cầu còn lại trong túi chế phẩm) $\leq 1 \times 10^6$</p> <p>Bộ kit bao gồm: Đầu kết nối với túi Buffycoat: 6 cái; Đầu kết nối với dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu: 1 cái; Khóa kẹp: 2 cái+ Van khóa dạng bẻ ở túi pool: 1 cái; Túi pool trước lọc bạch cầu: 1 túi; Túi bảo quản tiểu cầu, thể tích thực 1300ml: 1 túi; Phin lọc bạch cầu vỏ mềm với màng lọc sợi Polyester không dệt: 1 bộ; Túi</p>	Bộ	787.000	2.000	1.574.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				lấy mẫu tiêu cầu sau khi pool lọc bạch cầu tích hợp kim lấy mẫu chân không, thể tích 100ml: 1 túi				
123	131	23BV-G14-102	Điện cực dán điện tim	Kích thước: 50mm Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC Miếng dán: Dạng Foam	Cái	2.015	54.000	108.810.000
124	132	23BV-G14-103	Khóa 3 ngã có dây (25cm)	Khoá 3 ngã, dây dài đến 25cm. Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn	Cái	6.300	9.000	56.700.000
125	133	23BV-G14-104	Khóa 3 ngã không dây	Khóa ba ngã không dây nổi chất liệu polycacbonat Không bị rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo Chịu được áp lực dưới 2 bar	Cái	4.600	6.000	27.600.000
126	134	23BV-G14-105	Mask thở oxy có túi	Nẹp mũi có thể điều chỉnh. Thông khí an toàn. Có khóa xoay điều chỉnh làm cho phù hợp với vị trí của bệnh nhân. Nhựa PVC mềm, trong. Van kiểm tra điện trở thấp không chứa cao su tự nhiên, ngăn chặn việc thở lại và cho phép khí thở ra thoát ra ngoài.	Cái	17.500	2.000	35.000.000
127	135	23BV-G14-106	Filter lọc khuẩn (xanh)	Có cổng luer xoay và nắp lọc tĩnh điện. Sự kháng (tại 30LPM): 60PA. Không gian chết: 32ml. Thể tích: 250-1500ml. Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,9%- Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,9%	Cái	21.500	9.000	193.500.000
128	136	23BV-G14-107	Bộ đếm loại 1000 lần	Bộ đếm mỗi nối dùng cho máy nối dây vô trùng Chứa 1000 lần nối Độ dày thành dây có thể sử dụng trên máy hàn: trong khoảng 0.5 đến 0.9mm Đường kính dây: Đường kính ngoài: trong khoảng 3.9 đến 4.6mm; Đường kính trong: trong khoảng 2.8 đến 3.1mm Thời gian nối dây: khoảng 20 giây	Mỗi nối	19.450.000	5	97.250.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				Yêu cầu độ dài ống dây khi nối: độ dài ống dây tối thiểu là 10cm Sử dụng công nghệ hàn nhiệt không tiếp xúc và không sử dụng vật liệu đệm (wafers)				
129	137	23BV-G14-108	Giấy điện tim 3 cần	Giấy điện tim 3 cần, kích thước 63mm x chiều dài tối thiểu 30cm	Cuộn	18.000	400	7.200.000
130	138	23BV-G14-109	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước: 110mm x 140mm. Số lượng \geq 200 tờ/xấp.	Xấp	35.500	900	31.950.000
131	139	23BV-G14-110	Lamen 22x22mm	Mô tả: Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm	Chiếc	665	9.000	5.985.000
132	140	23BV-G14-111	Lamen 22x40mm	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x40mm	Cái	1.210	45.000	54.450.000
133	141	23BV-G14-112	Huyết áp kế đồng hồ	01 đồng hồ đo áp lực Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí 01 dải băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm 01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm 01 túi đựng giả da	Cái	465.000	300	139.500.000
134	142	23BV-G14-113	Ống nghe	01 bộ phận mặt nghe được thiết kế hình tròn : gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt 01 Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau, đầu ống nghe có bọc nút nhựa màu trắng 01 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC, màu xám	Cái	155.000	300	46.500.000
135	143	23BV-G14-114	Ống bơm tiêm thuốc cản quang 2 nòng (Bơm tiêm áp	Chất liệu Polyurethane, bền, chắc, chịu được áp lực cao.	Bộ	490.000	800	392.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
			lực đôi 200ml)	Ổng bơm với mục đích đựng thuốc cản quang để lắp vào máy CT; MRI; DSA				
136	144	23BV-G14-115	Mũ phẫu thuật vô trùng	Mũ phẫu thuật vô trùng	Cái	920	9.000	8.280.000
137	145	23BV-G14-116	Dây garo khóa nhựa	Làm bằng vải ,độ co giãn tốt, có khóa cố định	Cái	15.000	9.000	135.000.000
138	146	23BV-G14-117	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,... Lớp nền là loại giấy crepe màu be Các vạch chỉ thị hóa học sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng nhạt/rám nắng sang nâu sẫm/đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước Kích thước: rộng 24mm, dài tối thiểu 55m	Cuộn	125.000	200	25.000.000
139	147	23BV-G14-118	Cuộn đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học 350 mm	Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thẩm thấu vào băng mặt này Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H2O2 trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad Rộng: 350 mm, dài tối thiểu: 70 m.	Cuộn	5.080.000	60	304.800.000
140	148	23BV-G14-119	Cuộn đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học 150mm	Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thẩm thấu vào băng mặt này Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng -	Cuộn	2.795.000	90	251.550.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
				màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H ₂ O ₂ trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad Rộng : 150 mm, dài tối thiểu: 70 m				
141	149	23BV-G14-120	Giấy in siêu âm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony Dung lượng: ≥ 215 bản in cho mỗi cuộn. Kích thước: Rộng: 110 mm, chiều dài tối thiểu 20 m	Cuộn	84.500	900	76.050.000
142	150	23BV-G14-121	Áo choàng phẫu thuật	Sử dụng trong phẫu thuật và các trường hợp chỉ định cần mặc áo choàng bảo vệ Thiết kế tối ưu, thuận tiện sử dụng Vật liệu mềm mại, không gây kích ứng da Chống vi khuẩn tích tụ Có vùng tăng cường phía trước và hai cánh tay với độ thấm hút cao 40 x 59 cm. Bao gồm các thành phần: - 01 Áo choàng tiêu chuẩn, dùng 1 lần may gia cố lớp PE ở phần thân áo, kích thước khoảng 160x135cm (size L) hoặc 150x125cm (size M) - 02 khăn thấm làm từ vật liệu spunlace hoặc tissue paper có độ thấm hút cao, sử dụng trong trường hợp cần thấm hút nhanh dịch tiết, máu hay các loại chất lỏng khác Size: M / L	Bộ	65.000	500	32.500.000
143	151	23BV-G14-122	Đĩa Petri nhựa	Chất liệu nhựa PS trong suốt. Đường kính 90mm. Chiều cao 15mm.	Cái	2.700	13.000	35.100.000
			Tổng cộng: 143 phần (151 mặt hàng)					72.567.797.000